

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2026/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
**Quy định các mức chi tổ chức các giải
thi đấu thể thao cấp Thành phố và cấp xã**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số 612/TTr-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp Thành phố và cấp xã; Báo cáo

thẩm tra số 111/BC-BVHXXH ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định các mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp Thành phố và cấp xã.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp Thành phố và cấp xã được tổ chức theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 3 Điều 38 của Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức các giải thi đấu thể thao quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.
2. Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban đại hội thể dục, thể thao, hội thi thể thao.
3. Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu.
4. Trọng tài, giám sát, thư ký trọng tài; trợ lý trọng tài, điều phối viên môn bóng đá.
5. Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ.
6. Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ.
7. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

a) Đối tượng và mức chi

Đơn vị tính: đồng/người

TT	Đối tượng	Mức chi	
		Cấp Thành phố	Cấp xã
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	200.000/ngày	140.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	140.000/ngày	100.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá)	200.000/buổi	200.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá)	170.000/buổi	170.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ.	100.000/buổi	100.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao)		
a)	Người tập		
	Tập luyện	80.000/buổi	60.000/buổi
	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	120.000/buổi	85.000/buổi
	Chính thức	195.000/buổi	140.000/buổi
b)	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	170.000/buổi	120.000/buổi
7	Trọng tài chính, giám sát, trợ lý trọng tài, điều phối viên môn bóng đá.		
a)	Giải bóng đá nam, nữ (sân 11 người)		
	Trọng tài chính	400.000/buổi	280.000/buổi
	Trợ lý trọng tài, giám sát	270.000/buổi	200.000/buổi
	Điều phối viên	200.000/buổi	140.000/buổi

TT	Đối tượng	Mức chi	
		Cấp Thành phố	Cấp xã
b)	Giải bóng đá nam, nữ (sân 5 người, 7 người) và bãi biển		
	Trọng tài chính	270.000/buổi	200.000/buổi
	Trợ lý trọng tài, giám sát	200.000/buổi	170.000/buổi
	Điều phối viên	150.000/buổi	110.000/buổi

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

c) Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

Được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế. Số ngày làm nhiệm vụ, buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại; chi dịch thuật và các khoản chi khác: thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Thông tư số 117/2025/TT-BTC và theo quy định hiện hành.

3. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao): áp dụng bằng mức tối đa quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn, dẫn chiếu tại Nghị quyết này đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 6 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

b) Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

c) Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh